

Bộ, tỉnh: Ủy Ban Nhân dân Quận 1  
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận 1  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm Non Nguyễn Cư Trinh  
Mã đơn vị: T03760049  
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2020

| Stt | Tên tài sản  | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Giá mua/thuê (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/thuê | Nhà cung cấp (người bán) | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) | Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại (nếu có) |                                 | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------|----------|-----------|---------------|--------------|---------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
|     |              |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            | Nộp NSNN (Nghìn đồng)                                            | Được để lại đơn vị (Nghìn đồng) |         |
| 1   | 2            | 3           | 4        | 5         | 6             | 7            | 8                         | 9                      | 10                       | 11                                                                                         | 12                                                               | 13                              | 14      |
| I   | Đầu tư xây   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| I   | Trụ sở làm   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 2   | Xe ô tô      |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 3   | Tài sản cố   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| II  | Tài sản giao |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| I   | Trụ sở làm   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 2   | Xe ô tô      |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 3   | Tài sản cố   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| III | Tài sản đi   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| I   | Trụ sở làm   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 2   | Xe ô tô      |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 3   | Tài sản cố   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| IV  | Tài sản từ   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| I   | Trụ sở làm   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 2   | Xe ô tô      |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |
| 3   | Tài sản cố   |             |          |           |               |              |                           |                        |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |         |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Q.A., ngày 31 tháng 12 năm 2020  
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Trần Thị Thanh Loan



Bộ, tỉnh: Ủy Ban Nhân dân Quận 1  
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận 1  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm Non Nguyễn Cư Trinh  
Mã đơn vị: T03760049  
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2020

| Công khai về đất |                                                     |                             |                                                        |                 |                                                                  |                  |            |          |                     | Công khai về nhà |             |                                             |                                 |                 |                 |                                                                            |                  |            |          |                      |              | Ghi chú |
|------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------|------------------|------------|----------|---------------------|------------------|-------------|---------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|----------|----------------------|--------------|---------|
| Stt              | Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Giá trị quyền sử dụng đất theo số kế toán (Nghìn đồng) | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp                                              |                  |            |          |                     | Sử dụng khác     | Năm sử dụng | Tổng diện tích sản sử dụng(m <sup>2</sup> ) | Giá trị theo số kế toán (Nghìn) |                 | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp                                                        |                  |            |          |                      | Sử dụng khác |         |
|                  |                                                     |                             |                                                        |                 | Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m <sup>2</sup> ) | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh liên kết |                  |             |                                             | Nguyên giá                      | Giá trị còn lại |                 | Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai ( lấy theo diện tích sản sử | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết |              |         |
|                  |                                                     |                             |                                                        |                 |                                                                  |                  |            |          |                     |                  |             |                                             |                                 |                 |                 |                                                                            |                  |            |          |                      |              |         |
| 1                | 2                                                   | 3                           | 4                                                      | 5               | 6                                                                | 7                | 8          | 9        | 10                  | 11               | 12          | 13                                          | 14                              | 15              | 16              | 17                                                                         | 18               | 19         | 20       | 21                   | 22           |         |
| 1                | 117/16 Công                                         |                             |                                                        |                 |                                                                  |                  |            |          |                     |                  |             |                                             |                                 |                 |                 |                                                                            |                  |            |          |                      |              |         |
| 1.1              | Trường Mầm                                          |                             |                                                        |                 |                                                                  |                  |            |          |                     | 1975             | 330,77      | 133.804,00                                  |                                 |                 | 330,77          |                                                                            |                  |            |          |                      |              |         |
| 2                | Trường Mầm                                          | 123,90                      | 614.500,00                                             |                 | 123,90                                                           |                  |            |          |                     |                  |             |                                             |                                 |                 |                 |                                                                            |                  |            |          |                      |              |         |
| 3                | 122 Trần Đình                                       |                             |                                                        |                 |                                                                  |                  |            |          |                     |                  |             |                                             |                                 |                 |                 |                                                                            |                  |            |          |                      |              |         |
| 3.1              | Trường Mầm                                          |                             |                                                        |                 |                                                                  |                  |            |          |                     | 2010             | 1.595,00    | 10.378.316,79                               | 8.323.031,27                    |                 | 1.595,00        |                                                                            |                  |            |          |                      |              |         |
| 4                | Trường Mầm                                          | 833,68                      | 7.407.000,00                                           |                 | 833,68                                                           |                  |            |          |                     |                  |             |                                             |                                 |                 |                 |                                                                            |                  |            |          |                      |              |         |

NGƯỜI LẬP PHIẾU  
(Ký, họ tên)

  
Trần Trung Kim Hải

...Q.1, ngày 31 tháng 12 năm 2020  
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vô Thị Thanh Loan



Bộ, tỉnh: Ủy Ban Nhân dân Quận 1  
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận 1  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm Non Nguyễn Cư Trinh  
Mã đơn vị: T03760049  
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2020

|     |             | Kinh doanh                              |                      |                                                            | Cho thuê                              |              |                                           |                                       |                                | Liên doanh, liên kết                                             |                                       |                               |                                |                                                |                                           |                                                                      |
|-----|-------------|-----------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Sit | Tên tài sản | Số lượng / diện tích tài sản kinh doanh | Hình thức kinh doanh | Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng) | Số lượng / diện tích tài sản cho thuê | Đơn giá thuê | Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản | Hợp đồng thuê tài sản, số..., ngày... | Thời hạn cho thuê từ... đến... | Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng) | Số lượng / diện tích tài sản liên kết | Đối tác liên doanh / liên kết | Hình thức liên doanh, liên kết | Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...) | Thời hạn liên doanh, liên kết (từ... đến) | Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng) |
| I   | 2           | 3                                       | 4                    | 5                                                          | 6                                     | 7            | 8                                         | 9                                     | 10                             | 11                                                               | 12                                    | 13                            | 14                             | 15                                             | 16                                        | 17                                                                   |
| I   | Nhà, đất    |                                         |                      |                                                            |                                       |              |                                           |                                       |                                |                                                                  |                                       |                               |                                |                                                |                                           |                                                                      |
| II  | Xe ô tô     |                                         |                      |                                                            |                                       |              |                                           |                                       |                                |                                                                  |                                       |                               |                                |                                                |                                           |                                                                      |
| III | Tài sản     |                                         |                      |                                                            |                                       |              |                                           |                                       |                                |                                                                  |                                       |                               |                                |                                                |                                           |                                                                      |
|     | Tổng        | 0                                       |                      | 0                                                          | 0                                     | 0            |                                           |                                       |                                | 0                                                                | 0                                     |                               |                                |                                                |                                           | 0                                                                    |

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

  
Trần Chung Kim Khai

Quê... ngày... tháng... năm 2020  
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ  
(Ký, họ tên và đóng dấu)

  
Võ Thị Thanh Loan

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận 1

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm Non Nguyễn Cư Trinh  
Mã đơn vị: T03760049

Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2020

| Stt | Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý | Giá trị theo sổ sách kế toán |   | Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền |             |     |          |          |                                            |            | Số tiền thu được từ xử lý tài       |           |                          | Chi phí xử lý tài sản | Ghi chú |                            |
|-----|----------------------------------------------|------------------------------|---|-------------------------------------------------------|-------------|-----|----------|----------|--------------------------------------------|------------|-------------------------------------|-----------|--------------------------|-----------------------|---------|----------------------------|
|     |                                              | Nguyên giá                   |   | Giá trị còn lại                                       | Điều chuyển | Bán | Thanh lý | Tiêu hủy | Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại | Xử lý khác | Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo | Tổng cộng | Đã nộp tài khoản tạm giữ |                       |         | Chưa nộp tài khoản tạm giữ |
| 1   | 2                                            | 3                            | 4 |                                                       |             |     |          |          |                                            |            |                                     |           |                          | 5                     | 6       |                            |
| I   | Đất                                          |                              |   |                                                       |             |     |          |          |                                            |            |                                     |           |                          |                       |         |                            |
| II  | Nhà                                          |                              |   |                                                       |             |     |          |          |                                            |            |                                     |           |                          |                       |         |                            |
| II  | Xe Ô tô                                      |                              |   |                                                       |             |     |          |          |                                            |            |                                     |           |                          |                       |         |                            |
| III | Tài sản cố định                              |                              |   |                                                       |             |     |          |          |                                            |            |                                     |           |                          |                       |         |                            |
|     | Tài sản cố nguyên                            |                              |   |                                                       |             |     |          |          |                                            |            |                                     |           |                          |                       |         |                            |
|     | Tài sản cố nguyên                            |                              |   |                                                       |             |     |          |          |                                            |            |                                     |           |                          |                       |         |                            |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

  
Trần Chung Kim Mai

...01, ngày 31 tháng 1 năm 2020  
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
(Ký, họ tên và đóng dấu)

  
Võ Thị Thanh Loan



Bộ, tỉnh: Ủy Ban Nhân dân Quận 1  
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận 1  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm Non Nguyễn Cư Trinh  
Mã đơn vị: T03760049  
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC NĂM 2020

| Stt | Danh mục xe   | Bộ phận        | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn) |            |                 | Mục đích sử dụng |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
|-----|---------------|----------------|----------|---------------------------------------------------------|------------|-----------------|------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|---------------------|--------------|
|     |               |                |          | Tổng cộng                                               | Nguyên giá |                 | Giá trị còn lại  | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh liên kết | Sử dụng khác |
|     |               |                |          |                                                         | Trong đó   | Nguồn ngân sách |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| I   | 2             | 3              | 4        | 5                                                       | 6          | 7               | 8                | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                  | 15           |
| I   | Ô tô          |                |          |                                                         |            |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| II  | Tài sản cố    |                | 28       | 672.334,07                                              | 489.809,57 | 182.524,50      | 24.795,00        |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
|     | Tài sản trên  |                |          |                                                         |            |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
|     | Tài sản dưới  |                | 28       | 672.334,07                                              | 489.809,57 | 182.524,50      | 24.795,00        |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 1   | Sân, sân gạch | Trường Mầm non | 1        | 19.680,00                                               | 19.680,00  |                 | 984,00           |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 2   | Máy           | Phòng Kế Toán  | 1        | 38.879,57                                               | 38.879,57  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 3   | Máy điều hòa  | Khởi chòi      | 1        | 10.885,00                                               |            | 10.885,00       | 2.721,25         |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 4   | Máy điều hòa  | Khởi Nhà trẻ   | 1        | 10.885,00                                               |            | 10.885,00       | 2.721,25         |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 5   | Máy điều hòa  | Khởi Lã        | 1        | 15.880,00                                               |            | 15.880,00       | 3.970,00         |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 6   | Máy điều hòa  | Khởi Lã        | 1        | 15.880,00                                               |            | 15.880,00       | 3.970,00         |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 7   | Máy điều hòa  | Khởi Mầm       | 1        | 11.385,00                                               |            | 11.385,00       | 2.846,25         |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 8   | Máy điều hòa  | Khởi chòi      | 1        | 15.880,00                                               |            | 15.880,00       | 3.970,00         |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 9   | Máy điều hòa  | Khởi Lã        | 1        | 10.885,00                                               |            | 10.885,00       | 2.721,25         |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 10  | Xích đu rồng  | Trường Mầm non | 1        | 12.600,00                                               | 12.600,00  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 11  | Bàn chia thức | Cấp đường      | 1        | 11.880,00                                               | 11.880,00  |                 | 297,00           |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 12  | Bếp gas 2 lò  | Cấp đường      | 1        | 19.800,00                                               | 19.800,00  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 13  | Tủ Hấp khăn   | Phục vụ        | 1        | 17.780,00                                               | 17.780,00  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 14  | Tủ sấy chén   | Phục vụ        | 1        | 39.600,00                                               | 39.600,00  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 15  | Bồn rửa thịt  | Cấp đường      | 1        | 18.700,00                                               | 18.700,00  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 16  | Bếp gas 2 lò  | Cấp đường      | 1        | 19.800,00                                               | 19.800,00  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |
| 17  | Tủ đựng đồ    | Phòng Kế Toán  | 1        | 17.600,00                                               | 17.600,00  |                 |                  |                                 |                        |                           |            |          |                     |              |

|    |               |                |    |            |           |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|----|---------------|----------------|----|------------|-----------|--------|--|--|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 18 | Bục sân khấu  | Trường Mầm non | 1  | 26.400,00  | 26.400,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | Bàn chia thức | Cấp dưỡng      | 1  | 11.880,00  | 11.880,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | Nhà chơi cầu  | Trường Mầm non | 1  | 33.600,00  | 33.600,00 |        |  |  | 297,00    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | Bàn chia thức | Cấp dưỡng      | 1  | 11.880,00  | 11.880,00 |        |  |  | 297,00    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | Dù quay đáp   | Trường Mầm non | 1  | 13.650,00  | 13.650,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 23 | Tủ hấp cơm    | Phục vụ        | 1  | 15.500,00  | 15.500,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24 | Bồn rửa thịt  | Cấp dưỡng      | 1  | 15.400,00  | 15.400,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25 | Máy chiếu     | Trường Mầm non | 1  | 18.700,00  | 18.700,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 26 | Bàn lương     | Trường Mầm non | 1  | 180.844,50 | 90.000,00 |        |  |  | 90.844,50 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 27 | Tivi vi 42    | Trường Mầm non | 1  | 18.700,00  | 18.700,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 28 | Tủ hấp Khăn   | Phục vụ        | 1  | 17.780,00  | 17.780,00 |        |  |  |           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|    | Tổng          |                | 28 | 672334     | 489810    | 182524 |  |  | 24794     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

  
*Trần Thị Thanh Loan*

....Q1, ngày 31, tháng 12 năm 2020  
**HỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, họ tên và đóng dấu)  
  
*Vo Thị Thanh Loan*